

NGHỊ QUYẾT
Về quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2030

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ THANH GIANG
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính Phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Trên cơ sở xem xét tờ trình số 37../TTr - UBND ngày 15 tháng 3 năm 2021 của UBND xã Thanh Giang về việc đề nghị thông qua các dự thảo Nghị quyết tại kỳ họp thứ Mười Ba HĐND xã khóa XIX, nhiệm kỳ 2016 -2021,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua đồ án quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2030 với một số nội dung cụ thể như sau:

I. Mục tiêu của đồ án

Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu đến năm 2030, bộ mặt nông thôn mới trên địa bàn xã cơ bản được biến đổi tích cực, rõ rệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Quy hoạch chung xây dựng nông thôn là cuộc cách mạng mang tính lâu dài làm thay đổi bộ mặt nông thôn, nhằm khắc phục lối sống của nền sản xuất nhỏ, manh mún, thiếu định hướng, tiếp thu lối sống công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đó là mục tiêu mang tính quyết định đến sự phát triển nông thôn. Vì vậy, công tác Quy hoạch xây dựng nông thôn mới phải đi trước một bước.

Quá trình tổ chức Quy hoạch chung xây dựng nông thôn phải đảm bảo tính kế thừa, tính phát triển.

Quy hoạch chung xây dựng nông thôn nhằm đánh thức và khai thác tối đa các tiềm năng sẵn có ở nông thôn như: nguồn tài nguyên đất đai, nguồn lao động, cơ cấu ngành nghề...

Quy hoạch chung xây dựng theo các tiêu chí xây dựng nông thôn mới xã Thanh Giang có ý nghĩa rất quan trọng cho sự phát triển kinh tế chung của địa phương, là tiền đề để xây dựng một nông thôn mới hiện đại, có một nền sản xuất

hàng hóa bền vững và phù hợp với quy hoạch chung của huyện Thanh Miện và thực hiện tốt về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2020 – 2030.

II. Phạm vi và ranh giới lập quy hoạch

- Phạm vi lập quy hoạch: thuộc địa giới hành chính xã Thanh Giang là một xã đồng bằng nằm ở phía Nam của huyện Thanh Miện. Xã có vị trí địa lý:

- Phía Bắc giáp xã Ngũ Hùng.
- Phía Đông giáp Huyện Ninh Giang.
- Phía Nam giáp xã Hồng Phong.
- Phía Tây giáp xã Chi Lăng Nam.

Trên địa bàn xã có đường Tỉnh lộ 392B chạy qua, là điều kiện thuận lợi để phát triển, giao lưu kinh tế với các địa phương khác. Hệ thống giao thông, thủy lợi phù hợp tạo điều kiện để phát triển sản xuất nông nghiệp.

- Hiện trạng năm 2020, dân số toàn xã: 9.424 người, 2.797 hộ, bình quân 3,30 người/hộ, tỷ lệ tăng tự nhiên là 1,2%/năm.

III. Giai đoạn thực hiện quy hoạch.

- Giai đoạn ngắn hạn: 2020 – 2025,
- Giai đoạn dài hạn: 2026 – 2030.

IV. Dự báo dân số, cơ cấu lao động.

Hạng mục	Đơn vị tính	Hiện trạng 2020	Dự báo	
			2025	2030
Dân số toàn xã		9.424	11.005	11.758
Dân số tăng tự nhiên	Người	9.424	9.905	10.410
Dân số tăng cơ học	Người		1.100	1.348
Dân số trong độ tuổi lao động	Người	6.220	7.153	7.643
Tỷ lệ so với dân số	%	66	65	65
LĐ ngành nông - thủy sản	Người	3.981	4.578	4.891
Tỷ lệ	%	64	64	64
LĐ ngành CN, TTCN, XD CB và thương mại dịch vụ	Người	2.239	2.575	2.751
Tỷ lệ	%	36	36	36
Tỷ lệ tăng dân số (tăng tự nhiên)	%	1	1	1
Số hộ	Hộ	2.797	3.265	3.089
Quy mô hộ	Người/hộ	3,37	3,37	3,37

V. Định hướng quy hoạch xây dựng hệ thống các công trình, mạng lưới điểm dân cư, thương mại dịch vụ, sản xuất kinh doanh, sản xuất nông nghiệp quy hoạch sử dụng đất đến 2030:

1. Nội dung quy hoạch sử dụng đất.

a. Trụ sở UBND xã, Trụ sở công an xã, HTXDVNN, Quỹ tín dụng

** Trụ sở UBND xã:*

- Vị trí: trung tâm xã;

- Diện tích: 0,41ha (Mở rộng diện tích lấy vào đất bưu điện 0,027ha; đất tín dụng 0,009 ha).

** Quỹ tín dụng:*

- Diện tích: 0,07ha (Xây dựng mới, hiện trạng là đất sân vận động xã; vị trí cũ chuyển lại cho đất chợ)

** Trụ sở công an xã:*

- Diện tích: 0,14ha (Xây dựng mới, hiện trạng là đất sân vận động xã)

** Trụ sở HTXDVNN:*

- Diện tích: 0,03ha (Xây dựng mới, hiện trạng là đất sân vận động xã)

b. Sân vận trung tâm xã, Quảng trường, công viên cây xanh

** Sân vận trung tâm xã:*

- Sân vận động cũ chuyển sang đất Công an 0,14ha, đất Bưu điện 0,03ha, đất HTXDVNN 0,03ha, đất tín dụng 0,07ha và đất giao thông do mở rộng đường 0,09ha và đất dự trữ phát triển.

- Quy hoạch sân vận động mới: Quy mô 15.000 m² vị trí tiếp giáp với công viên cây xanh.

** Quảng trường, công viên cây xanh*

- Diện tích: 3,36ha (Xây dựng mới sau trường THCS về phía bắc, hiện trạng đất lúa).

c. Trạm y tế xã: Diện tích: 0,14ha (Xây dựng cải tạo trên đất hiện trạng đang có).

d. Chợ: Diện tích: 0,4 ha (Xây dựng cải tạo trên đất hiện trạng đang có và mở rộng diện tích từ HTXDVNN và QTDND).

f. Công trình giáo dục.

** Trường Mầm Non:*

- Chỉ tiêu 55 học sinh/1000dân; tối thiểu 12m²/học sinh; bán kính phục vụ tối đa 1 km. Tính toán nhu cầu tối thiểu: $11.758 \times 55/1000 \times 12 = 7.760\text{m}^2$

- Mở rộng thêm 6,762 m² về phía bắc (sau trường Mầm non hiện nay), lấy vào đất lúa. Tổng diện tích trường Mầm non sau khi quy hoạch là 12.285 m²

** Trường Tiểu học:*

- Chỉ tiêu 78 học sinh/1000 dân; tối thiểu $10\text{m}^2/\text{học sinh}$; bán kính phục vụ tối đa 1 km. Tính toán nhu cầu tối thiểu: $11.758 \times 78/1000 \times 10 = 9.171\text{m}^2$

- Dự kiến quy hoạch sẽ chuyển toàn bộ trường Tiểu học sang vị trí mới (phía bên đối diện- bên kia đường bê tông. Tổng diện tích quy hoạch mới là 19.318m^2 . Diện tích trường cũ sẽ chuyển sang khu cấp đất giãn dân.

** Trường THCS:*

- Chỉ tiêu 50 học sinh/1000 dân; tối thiểu $10\text{m}^2/\text{học sinh}$; bán kính phục vụ tối đa 1 km. Tính toán nhu cầu tối thiểu: $11.758 \times 50/1000 \times 10 = 5.879\text{m}^2$

- Mở rộng quy hoạch sang phía đông. Tổng diện tích sau quy hoạch là 1,93ha (diện tích hiện trạng 0,62ha; Quy hoạch mở rộng thêm 1,31ha, hiện trạng đất lúa).

1.2. Đất công cộng cấp thôn

a. Thôn Phù Tải 1

- Nhà văn hóa thôn: Diện tích 0,09ha. Giữ nguyên hiện trạng.

- Sân thể thao thôn: Diện tích 0,37ha. Giữ nguyên hiện trạng.

b. Thôn Phù Tải 2

- Nhà văn hóa thôn: Diện tích 0,06ha. Giữ nguyên hiện trạng.

- Hiện có sân vận động trung tâm xã nằm trên địa bàn thôn

c. Thôn Đan Giáp

- Nhà văn hóa thôn: Diện tích hiện trạng 0,16ha. Quy hoạch chuyển vị trí về khu sân thể thao thôn Đan Giáp với diện tích 900m^2 .)

- Sân thể thao thôn: Diện tích 0,4ha. (diện tích hiện trạng 0,45ha. Giảm do chuyển sang nhà văn hóa thôn)

d. Thôn Tiêu Sơn

- Nhà văn hóa thôn: Diện tích 0,16ha. Giữ nguyên hiện trạng.

- Sân thể thao thôn: Diện tích 0,25ha. Giữ nguyên hiện trạng.

1.3 Đất nông nghiệp

1.3.1 Đất trồng lúa

Quy hoạch các vùng chuyên canh lúa tập trung, hiện nay đất trồng lúa toàn xã còn 291,58 ha, đến năm 2025 còn 161,14ha và đến năm 2030 còn 87,06 ha

1.3.2. Đất chuyển đổi cơ cấu cây trồng (theo NDD/NĐ-CP)

Tập trung tại 6 khu vực lớn với diện tích là 164.400m^2 :

- Vùng chuyển đổi 1: Tại khu Đồng San với diện tích 49.300m^2 .

- Vùng chuyển đổi 2: Tại khu đồng Vành Nguyệt với diện tích 21.100m^2 .

- Vùng chuyển đổi 3: Tại khu đồng Xưa với diện tích 10.600m^2 .

- Vùng chuyển đổi 4: Tại khu Dưới Đồng với diện tích 30.700m^2 .

- Vùng chuyển đổi 5: Tại khu Làn Trên với diện tích 31.900m².
- Vùng chuyển đổi 6: Tại khu Trên Đồng với diện tích 20.800m².

1.7.3. Đất nuôi trồng thủy sản (Mô hình VAC);

1.3.3 Quy hoạch khu nuôi trồng thủy sản tập trung (VAC): quy mô 51,54 ha; tại 7 vị trí:

Vị trí 1: Diện tích 4,1ha (Khu Đồng Đình thôn Đan Giáp)

Vị trí 2: Diện tích 7,58ha (Khu đồng Khoai, Chuôi vồ, và 1 phần Độc Lãi)

Vị trí 3: Diện tích 29,95ha (Khu cửa Đình; Đồng Tranh)

Vị trí 4: Diện tích 3,66ha (Khu Đồng Cao)

Vị trí 5: Diện tích 6,25ha (Khu Đồng Dẫy)

1.4. Đất ở quy hoạch

Tổng diện tích quy hoạch: 41,04ha. Quy hoạch 7 vị trí:

- Vị trí 1: Khu đồng Nổ Đơm; đồng Lớ. Diện tích 9,58ha.

- Vị trí 2: Giáp trường Tiểu học mở rộng (Ngã tư ông Được). Diện tích 1,65ha.

- Vị trí 3: Giáp đường quy hoạch mới của huyện, vị trí khu vực Trại lợn và Chùa Giỏ thôn Tiêu Sơn, Diện tích 2,3ha

- Vị trí 4: Khu Chiều chợ đi cổng làng Đồng Ích; thôn Tiêu Sơn. Diện tích 1,4ha

- Vị trí 5: Khu Đồng Rẻ thôn Phù Tải 2. Diện tích 7,4ha.

- Vị trí 6: Đầu Voi, Ma mè, Đồng Lịch. Diện tích 18,2ha

- Vị trí 7: Khu đất trường Tiểu học cũ. Diện tích 0,51ha

1.4. Đất Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

a. Đất cụm công nghiệp

- Diện tích quy hoạch 55,11ha (Mở rộng Cụm công nghiệp Thanh Giang về phía Nam với diện tích 7,54ha và phía đông Khu đồng Sâu, Đồng Dài, Tiêu Lâm, Ao Tráng với diện tích 47,47 ha). Tổng diện tích sau khi quy hoạch mở rộng là 80,35ha.

b. Đất tiểu thủ công nghiệp: Diện tích 10ha (Khu vực Cửa Ỗ, Đồng Ngói dưới và Trại lợn cũ thôn Phù Tải 1).

1.5. Đất thương mại dịch vụ

- Tổng diện tích 23,75 ha, Quy hoạch 2 vị trí:

- Vị trí 1: diện tích 10,25 ha (Ở Ma mè, Đồng vôi, đồng Lịch);

- Vị trí 2: diện tích 13,5ha (Khu Cửa ông Tẹo, thôn Phù Tải 2).

1.6. Đất tiểu thủ công nghiệp.

- Quy hoạch khu Cửa Ỗ, đồng Ngói dưới và Trại lợn với tổng diện tích là

1.7. Đất chức năng khác

1.7.1. Đất nghĩa trang nghĩa địa

- Tổng diện tích 2,62 ha (hiện trạng 1,27 ha; quy hoạch thêm 1,35 ha; quy hoạch 3 vị trí);

- Vị trí 1: Mở rộng nghĩa địa khu đồng Diễn; quy mô 0,63 ha (trong đó hiện trạng 0,18 ha; mở rộng 0,45 ha);

- Vị trí 2: Mở rộng nghĩa địa khu Đồng Khoai; quy mô 1,01 ha (trong đó hiện trạng 0,56ha; mở rộng 0,45 ha);

- Vị trí 3: Mở rộng nghĩa địa khu Cái Mậu (Đồng Sông); quy mô 0,98 ha (trong đó hiện trạng 0,53 ha; mở rộng 0,45 ha);

1.7.2. Đất Bãi rác

Mở rộng bãi rác thôn Tiêu Sơn: Tổng diện tích 0,44ha (hiện trạng 0,24 ha; quy hoạch thêm 0,2 ha).

Bảng cần đối chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030.

STT	Chỉ tiêu	Các kỳ kế hoạch					
		Hiện trạng năm 2020		Điều chỉnh đến năm giai đoạn 2021-2025		Định hướng giai đoạn 2026-2030	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	Tổng diện tích đất tự nhiên	666,89	100,00	666,89	100,00	666,89	100,00
1	Đất nông nghiệp	429,05	64,34	337,05	50,54	270,58	40,57
1.1	Đất trồng lúa	291,58	43,72	161,44	24,21	87,06	13,05
1.2	Đất trồng trọt khác	63,60	9,54	61,16	9,17	59,16	8,87
1.3	Đất rừng sản xuất						
1.4	Đất rừng phòng hộ						
1.5	Đất rừng đặc dụng						
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	71,08	10,66	111,66	16,74	121,57	18,23
1.7	Đất làm muối						
1.8	Đất nông nghiệp khác	2,80	0,42	2,80	0,42	2,80	0,42
2	Đất xây dựng	222,38	33,35	314,38	47,14	380,85	57,11
1.1	Đất ở	75,93	11,39	88,48	13,27	116,77	17,51
1.2	Đất công cộng	4,14	0,62	7,67	1,15	7,17	1,07
1.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	2,81	0,42	5,65	0,85	7,15	1,07
1.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	1,22	0,18	1,22	0,18	1,22	0,18
1.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công	26,95	4,04	51,75	7,76	82,06	12,31

STT	Chỉ tiêu	Hiện trạng năm 2020		Các kỳ kế hoạch			
				Điều chỉnh đến năm giai đoạn 2021-2025		Định hướng giai đoạn 2026-2030	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	nghiep và làng nghề						
1.6	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng			28,92	4,34	35,79	5,37
1.7	Đất xây dựng các chức năng khác						
1.8	Đất hạ tầng kỹ thuật	82,02	12,30	101,84	15,27	101,84	15,27
1.8.1	Đất giao thông	72,52	10,87	91,21	13,68	91,21	13,68
1.8.2	Đất xử lý chất thải rắn	0,27	0,04	0,47	0,07	0,47	0,07
1.8.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	9,18	1,38	10,08	1,51	10,08	1,51
1.8.4	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	0,05	0,01	0,08	0,01	0,08	0,01
1.9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	29,30	4,39	28,70	4,30	28,70	4,30
1.10	Đất quốc phòng, an ninh			0,14	0,02	0,14	0,02
3	Đất khác	15,46	2,32	15,46	2,32	15,46	2,32
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối & mặt nước chuyên dùng	15,46	6,50	15,46	2,32	15,46	2,32
3.2	Đất chưa sử dụng						

2. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật.

2.1. Quy hoạch giao thông

* Giao thông đối nội:

- Quy hoạch đường liên thôn: Nền đường 12m (2+8+2);
- Quy hoạch đường trục thôn: Nền đường 9 m (1+7+1);
- Quy hoạch đường ngõ xóm: Nền đường 6 m; (1+4+1);

2.1. Quy hoạch san nền: Tận dụng tối đa độ cao địa hình, hạn chế đào đắp thay đổi cao độ. Các công trình xây dựng mới căn cứ vào cốt cao độ cần tuân thủ cao độ của từng vùng và tuân thủ cao độ quy hoạch xây dựng để thực hiện việc san nền cho từng công trình cụ thể.

Các công trình hiện có cần chú ý cải tạo, nâng cấp dần

2.2. Thoát nước: Thoát nước thải, rác thải: Theo dọc đường giao thông thôn, xóm, xã, các vùng chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, điểm tiểu thủ công nghiệp, có quy hoạch thoát nước thải ra ngoài. Tận dụng hệ thống ao, hồ kênh mương làm hệ thống thoát nước. Các hồ ao phải thông nhau, hạn chế ao tù nước đọng. Tại khu trung tâm xã nơi tập trung mật độ dân số cao, cần xây dựng hệ thống thoát nước

đây tắm đần. Nước thải trạm y tế, điểm công nghiệp, khu, chăn nuôi, thủy sản... phải qua hệ thống xử lý, không chảy trực tiếp ra ngoài.

2.3. Cấp nước

- Nước sạch cấp cho xã được lấy từ trạm cấp nước xã Hồng Phong thuộc xí nghiệp số 9 Công ty TNHH MTV nước sạch Hải Dương;

- Nhu cầu dùng nước:

STT	Danh mục	Năm 2030 (11.410 người)	
		Tiêu chuẩn (l.ng-nd)	Nhu cầu m3/nd
1	Nước sinh hoạt (Qsh)	120	1141
2	Nước CTCC cho toàn xã	20%Qsh	228,2
3	Nước phục vụ sản xuất kinh doanh dịch vụ	25% Qsh	352,74
4	Nước dự phòng rò rỉ	10% tổng Qtrên	205
Tổng			2.250

2.3. Cấp điện

- Nguồn cấp điện cho xã được cấp từ đường 35KV;

- Trên địa bàn xã hiện nay có 10 trạm biến áp với tổng công suất 2800 KW.

- Dự báo nhu cầu sử dụng điện:

TT	Tên phụ tải điện	Đợt đầu (Kw)	Dài hạn (Kw)
1	Sinh hoạt	1.651	1.999
2	Sản xuất, kinh doanh dịch vụ	1.203,6	1464
3	Công cộng, chiếu sáng	330	400
Cộng		3.184	3.863
Dự phòng + tổn thất (10%)		318	386
Tổng cộng		3.503	4.249

Điều 2. Giao Ủy ban dân nhân xã Thanh Giang tổ chức thực hiện Nghị quyết này đảm bảo đúng quy hoạch, đúng mục đích, hiệu quả, tiết kiệm. Trong quá trình thực hiện nếu cần phải điều chỉnh cho phù hợp phải báo cáo Thường trực HĐND xã để điều chỉnh bổ sung tại cuộc họp HĐND gần nhất hoặc giải quyết giữa hai kỳ họp thuộc thẩm quyền.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của HĐND và các đại biểu HĐND xã giám sát thực hiện Nghị quyết. Nghị quyết này được Hội đồng

nhân dân xã Thanh Giang khoá XIX, kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 15 tháng 03 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Đại biểu cấp trên;
- Thường trực HĐND - UBND - UBMTTQ xã;
- Các đại biểu HĐND;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Vũ Đình Thắm